

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT (2020-2024) TRÊN ĐỊA BÀN  
HUYỆN BUÔN ĐÔN**

*(Kèm theo Nghị quyết số **01** /2020/NQ-HĐND ngày 22/5/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk về Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh giai đoạn 2020-2024)*

**Bảng số 1: Giá đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên**

ĐVT: Đồng/m<sup>2</sup>

TT	Đơn vị hành chính	Giá đất 2015 - 2019			Giá đất 2020 – 2024 HĐTD thống nhất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Xã Krông Na	14.000	10.000		24.000	17.000	
2	Xã Ea Huar	14.000	10.000		24.000	17.000	
3	Xã Ea Wer	14.000	10.000		24.000	17.000	
4	Xã Tân Hòa	18.000			31.000		
5	Xã Cuôr Knia	18.000	16.000	12.000	31.000	28.000	21.000
6	Xã Ea Bar	20.000	16.000	14.000	35.000	28.000	24.000
7	Xã Ea Nuôl	20.000	16.000		35.000	28.000	

**Đối với đất trồng lúa 1 vụ:** giá đất tính bằng 70% giá đất lúa 2 vụ trở lên theo từng vị trí của từng xã.

**1. Xã Krông Na**

- Vị trí 1: Buôn Ea Mar
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

**2. Xã Ea Huar**

- Vị trí 1: Thôn 6, thôn 7, thôn 8
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

**3. Xã Ea Wer**

- Vị trí 1: Thôn 3, thôn 7, thôn 8, buôn Tul A, buôn Tul B
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

**4. Xã Tân Hòa:** Tính 01 vị trí trong toàn xã

**5. Xã Cuôr Knia**

- Vị trí 1: Cánh đồng 10/3, Sinh Đá, cánh đồng 17 ha, cánh đồng Chu Lai
- Vị trí 2: Cánh đồng Đông Bắc, cánh đồng Suối Nước Trong
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

**6. Xã Ea Bar**

- Vị trí 1: Cánh đồng Hoài Nhơn, 15-3, Cơ Khí, Ô Tô, Dầu, Rừng Tre
- Vị trí 2: Cánh đồng 19/3, Đồi Cao
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

**7. Xã Ea Nuôl**

- Vị trí 1: Cánh đồng Chu Lai 1, Chu Lai 2, Cư Por
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

**Bảng số 2: Giá đất trồng cây hàng năm khác**

DVT: Đồng/m<sup>2</sup>

TT	Đơn vị hành chính	Giá đất 2015 - 2019			Giá đất 2020 – 2024 HĐTD thống nhất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Xã Krông Na	14.000			23.000		
2	Xã Ea Huar	14.000	10.000		25.000	20.000	
3	Xã Ea Wer	14.000	10.000		28.000	23.000	
4	Xã Tân Hòa	16.000	12.000	10.000	36.000	30.000	
5	Xã Cuôr Knia	16.000	12.000		36.000	30.000	
6	Xã Ea Bar	18.000	14.000	12.000	40.000	31.000	27.000
7	Xã Ea Nuôl	18.000	14.000	12.000	45.000	35.000	30.000

**1. Xã Krông Na:** Tính 01 vị trí trong toàn xã

**2. Xã Ea Huar**

- Vị trí 1: Thôn 6, thôn 7, thôn 8, buôn Jang Pông
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

**3. Xã Ea Wer**

- Vị trí 1: Thôn Ea Duất, thôn Ea Kly, thôn Hà Bắc
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

**4. Xã Tân Hòa**

- Vị trí 1: Thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 10, thôn 11, thôn 14, thôn 15
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

**5. Xã Cuôr Knia**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

**6. Xã Ea Bar**

- Vị trí 1: Thôn 5, thôn 8, thôn 18b, thôn 15
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại
- Vị trí 3: 4 Buôn knia và thôn 6, thôn 7, thôn 9

**7. Xã Ea Nuôl**

- Vị trí 1: Thôn Hòa Nam 1, Thôn Đại Đồng, Thôn Hòa Phú, Thôn Hòa An, Buôn Ea M'Đhar 3
- Vị trí 2: Thôn Hòa Nam 2, buôn Niêng 3, buôn niêng 2, buôn Niêng 1, Thôn Tân thanh, Thôn Tân Phú
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

**Bảng số 3: Giá đất trồng cây lâu năm**ĐVT: Đồng/m<sup>2</sup>

TT	Đơn vị hành chính	Giá đất 2015 - 2019			Giá đất 2020 – 2024 HĐTĐ thống nhất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Xã Krông Na	16.000			26.000		
2	Xã Ea Huar	18.000	14.000		30.000	25.000	
3	Xã Ea Wer	18.000	14.000		38.000	33.000	
4	Xã Tân Hòa	26.000	22.000	18.000	45.000	36.000	
5	Xã Cuôr Knia	26.000	22.000	18.000	42.000	35.000	
6	Xã Ea Bar	30.000	26.000	22.000	50.000	45.000	35.000
7	Xã Ea Nuôl	30.000	26.000	22.000	60.000	45.000	35.000

**1. Xã Krông Na:** Tính 01 vị trí trong toàn xã

**2. Xã Ea Huar**

- Vị trí 1: Thôn 6, thôn 7, thôn 8

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

**3. Xã Ea Wer**

- Vị trí 1: Thôn Ea Duát, thôn Ea Kly, thôn Hà Bắc

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

**4. Xã Tân Hòa**

- Vị trí 1: Thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 10, thôn 11, thôn 14, thôn 15, thôn 16

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

**5. Xã Cuôr Knia**

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

**6. Xã Ea Bar**

- Vị trí 1: Thôn 5, thôn 8, thôn 18b, thôn 15

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

- Vị trí 3: 4 Buôn knia và thôn 6, thôn 7, thôn 9

**7. Xã Ea Nuôl**

- Vị trí 1: Thôn Hòa Nam 1, thôn Đại Đồng, thôn Hòa Phú, thôn Hòa An, Ea M'Đhar 3

- Vị trí 2: Hòa Nam 2, buôn Niêng 3, buôn niêng 2, buôn Niêng 1, Tân thanh, Tân Phú

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

**Bảng số 4: Giá đất rừng sản xuất**ĐVT: Đồng/m<sup>2</sup>

TT	Đơn vị hành chính	Giá đất 2015 - 2019	Giá đất 2020 – 2024 HĐTĐ thống nhất
		Xác định 1 vị trí	Xác định 1 vị trí
1	Xã Krông Na	7.000	15.000
2	Xã Ea Huar	7.000	15.000
3	Xã Ea Wer	7.000	15.000
4	Xã Tân Hòa	9.000	18.000
5	Xã Ea Nuôl	12.000	20.000

**Bảng số 5: Giá đất nuôi trồng thủy sản**ĐVT: Đồng/m<sup>2</sup>

TT	Đơn vị hành chính	Giá đất 2015 - 2019	Giá đất 2020 – 2024 HĐTĐ thống nhất
		Xác định 1 vị trí	Xác định 1 vị trí
1	Xã Krông Na	10.000	15.000
2	Xã Ea Huar	10.000	20.000
3	Xã Ea Wer	10.000	20.000
4	Xã Tân Hòa	12.000	22.000
5	Xã Cuôr Knia	12.000	22.000
6	Xã Ea Bar	12.000	22.000
7	Xã Ea Nuôl	12.000	25.000

**Bảng số 6: Giá đất ở tại nông thôn**

ĐVT: Đồng/m<sup>2</sup>

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Giá đất 2015-2019	Giá đất 2020-2024 HĐTĐ thống nhất
		Từ	Đến		
<b>I</b>	<b>Khu trung tâm huyện (Quy hoạch 26m)</b>				
1	Tinh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba Nghĩa trang liệt sĩ	Ngã tư Viện kiểm sát	900.000	3.000.000
		Ngã tư Viện kiểm sát	Ngã tư Đài truyền thanh	1.200.000	4.000.000
		Ngã tư Đài truyền thanh	Chi nhánh điện Buôn Đôn - Ea súp	900.000	3.000.000
		Chi nhánh điện Buôn Đôn - Ea súp	Ngã tư Toà Án	600.000	1.800.000
2	Đường số 6	Ngã tư đài truyền thanh	Hết trường cấp 3 Buôn Đôn	500.000	1.200.000
		Hết trường cấp 3 Buôn Đôn	Giáp vành đai phía Đông	400.000	950.000
		Ngã tư đài truyền thanh	Ngã 3 trường Hồ Tùng Mậu	500.000	1.200.000
		Ngã 3 trường Hồ Tùng Mậu	Ngã 3 đường vận hành 1 thủy điện 4	450.000	950.000
	<b>Đường ngang</b>				
3	Đường số 2 (Cạnh trụ sở công an huyện)	Tinh lộ 17	Giáp đường số 4 (phía Đông)	400.000	800.000
		Tinh lộ 17	Hết ranh giới đất Công an huyện	400.000	600.000
4	Đường số 3	Đoạn từ ngã tư bưu điện	Giáp đường số 21	500.000	1.500.000
		Giáp đường số 21	Giáp đường số 4	500.000	1.000.000
		Đoạn từ ngã tư đường số 3-4	Đoạn từ ngã tư đường số 3-39		500.000
		Đoạn từ ngã tư bưu điện	Hết lô A6 (ngã ba đường số 3 và đường số 14)	1.000.000	1.500.000
		Hết lô A6 (ngã ba đường số 3 và đường số 14)	Ngã tư đường số 3 và đường số 12	500.000	1.000.000
		Ngã tư đường số 3 và đường số 12	Giáp vành đai phía Tây	500.000	800.000
5	Đường số 4	Tinh lộ 17	Đường số 21	1.000.000	1.200.000
		Đường số 21	Hết vành đai phía Đông	500.000	800.000
		Tinh lộ 17	Hết lô A7 (ngã 4 đường 13 và đường số 4)	1.000.000	1.200.000
		Hết lô A7 (ngã 4 đường 13 và đường số 4)	Hết vành đai phía Tây	500.000	750.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Giá đất 2015-2019	Giá đất 2020-2024 HĐTD thống nhất
		Từ	Đến		
6	Đường số 5	Tỉnh lộ 17 (trụ sở viên thông)	Giáp vành đai phía Tây	500.000	600.000
		Tỉnh lộ 17 (thư viện)	Giáp đường số 44	600.000	800.000
		Giáp đường số 44	Giáp vành đai phía Đông (đường số 8)	500.000	750.000
7	Đường số 7	Từ tỉnh lộ 17	Vành đai phía Đông (đường số 8)	400.000	700.000
		Từ tỉnh lộ 17	Vành đai phía Tây	400.000	700.000
8	Đường số 10 (Cạnh trụ sở công an huyện)	Từ tỉnh lộ 17	Vành đai phía Tây (đường số 9)		600.000
9	Đường số 15	Hết thửa đất giao nhau đường số 14	Hết thửa đất giao nhau đường số 11		600.000
10	Đường số 16	Hết thửa đất giao nhau đường số 14	Hết thửa đất giao nhau đường số 12		600.000
11	Đường số 17 (dọc chợ trung tâm huyện)	Từ tỉnh lộ 17	Hết lô A7	1.000.000	1.500.000
		Hết lô A7	Hết lô A10	500.000	750.000
12	Đường số 18	Hết thửa đất giao nhau đường số 13	Hết thửa đất giao nhau đường số 19		600.000
13	Đường số 24	Tỉnh lộ 17	Nghĩa trang liệt sỹ	400.000	700.000
14	Đường số 25	Hết thửa đất giao nhau đường số 20	Hết thửa đất giao nhau đường số 4		500.000
15	Đường số 26	Hết thửa đất giao nhau đường số 20	Hết thửa đất giao nhau đường số 4		500.000
16	Đường số 28	Hết thửa đất giao nhau đường số 27	Hết thửa đất giao nhau đường số 8		500.000
17	Đường số 29	Hết thửa đất giao nhau đường số 44	Hết thửa đất giao nhau đường số 45		500.000
18	Đường số 34	Hết thửa đất giao nhau đường số 30	Hết thửa đất giao nhau đường số 31		550.000
19	Đường số 35 (Mặt sau B3)	Hết thửa đất giao nhau đường số 31	Hết thửa đất giao nhau đường số 33	400.000	700.000
20	Đường số 36 (Đường đầu giá lô B3)	Hết thửa đất giao nhau đường số 30	Hết thửa đất giao nhau đường số 31		700.000
21	Đường số 37	Hết thửa đất giao nhau đường số 32	Vành đai phía Tây (đường số 9)		650.000
22	Đường số 42	Hết thửa đất giao nhau đường số 44	Hết thửa đất giao nhau đường số 45		500.000
23	Đường số 43	Hết thửa đất giao nhau đường số 8	Hết thửa đất giao nhau đường số 38	400.000	700.000
	<b>Đường dọc</b>				

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Giá đất 2015-2019	Giá đất 2020-2024 HĐTD thống nhất
		Từ	Đến		
24	Đường số 11	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 16		600.000
25	Đường số 12	Hết thửa đất giao nhau đường số 16	Hết thửa đất giao nhau đường số 18		600.000
26	Đường số 13 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 17	Hết thửa đất giao nhau đường số 18	400.000	1.200.000
27	Đường số 14 mặt sau lô A5; A6 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 3	400.000	1.200.000
28	Đường số 19	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 5		550.000
29	Đường số 20 (mặt sau A12, A1, A4) (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 24	400.000	1.200.000
30	Đường số 21	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 26	350.000	500.000
31	Đường số 22	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 24	350.000	500.000
32	Đường số 23	Hết thửa đất giao nhau đường số 2	Hết thửa đất giao nhau đường số 24	350.000	500.000
33	Đường số 27	Ngã ba phòng Giáo dục	Đường vành đai phía Đông (đường số 8)	250.000	600.000
34	Đường số 30 (Cạnh bệnh viện đa khoa huyện)	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Hết thửa đất giao nhau đường số 34		500.000
35	Đường số 31	Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường số 36		550.000
36	Đường số 32	Hết thửa đất giao nhau đường số 6	Đường vành đai phía Tây (đường số 9)		600.000
37	Đường số 33 mặt sau lô A2 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 6	Hết thửa đất giao nhau đường số 9	400.000	700.000
38	Đường 38 mặt sau lô A3, A8 (song song Tỉnh lộ 1)	Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường số 8	400.000	700.000
39	Đường 39	Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường vành đai phía Đông (đường số 8 - hướng ra PCCC)		700.000
		Hết thửa đất giao nhau đường số 5	Hết thửa đất giao nhau đường vành đai phía Đông (đường số 8 - hướng ra đường số 45)		600.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Giá đất 2015-2019	Giá đất 2020-2024 HĐTD thống nhất
		Từ	Đến		
40	Đường số 40	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Đường vành đai phía Đông (đường số 8)		550.000
41	Đường số 41	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Hết thửa đất giao nhau đường số 43		500.000
42	Đường số 44	Hết thửa đất giao nhau đường số 39	Hết đường quy hoạch (giáp đường số 43)		600.000
43	Đường số 45	Hết thửa đất giao nhau đường số 27	Hết thửa đất giao nhau đường số 43		600.000
44	Đường số 46	Hết thửa đất giao nhau đường số 7	Hết thửa đất giao nhau đường số 41		550.000
45	Đường vành đai phía Đông	Quán Vân Cương	Giáp đường số 6 (phía Đông)	200.000	500.000
		Giáp đường số 6	Giáp đường số 23	200.000	500.000
46	Đường vành đai phía Tây	Tòa án	Bệnh viện	200.000	550.000
		Bệnh viện	Giáp đường số 4	200.000	500.000
		Giáp đường số 4	Giáp đường số 2	200.000	500.000
		Giáp đường số 2	Ngã tư TL17-đường số 24	300.000	550.000
47	Đường trục trong lô K2-7 (giáp trụ sở Công an huyện)				600.000
48	Đường trục trong lô K2-6 (lô A9)				600.000
49	Đường trục trong lô K5-4 (lô B3)				650.000
50	Đường trục trong lô K5-6 (giáp với bệnh viện đa khoa huyện)				650.000
51	Các đường ngang	Đường giữa lô A10		300.000	500.000
52	Các đường ngang	Các trục đường còn lại Lô A11		300.000	500.000
53	Các khu dân cư có trục đường $\geq 3,5m$			100.000	250.000
54	Khu vực còn lại			80.000	200.000
<b>II Xã Krông Na</b>					
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Giáp ranh xã Ea Huar	Ngã tư xường chế biến gỗ VinaFor	150.000	450.000
		Ngã tư xường chế biến gỗ VinaFor	Hết ranh giới đất cây xăng Nam Tây Nguyên	250.000	600.000
		Hết ranh giới đất cây xăng Nam Tây Nguyên	Ngã ba đường vào buôn Trí	300.000	700.000
		Ngã ba đường vào buôn Trí	Hồ Ea Rông	200.000	400.000
		Hồ Ea rông	Ngã tư Bàn Đôn	150.000	350.000
		Ngã tư Bàn Đôn	Cầu Ea Mar	110.000	300.000
		Cầu Ea Mar	Đập Đăk Minh	150.000	300.000
		Đập Đăk Minh	Giáp ranh huyện Ea Súp	100.000	250.000
2	Đường ngang	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba Khăm Thung	150.000	350.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Giá đất 2015-2019	Giá đất 2020-2024 HĐTD thống nhất
		Từ	Đến		
		Ngã ba Khâm Thung	Cầu buôn Trí	200.000	400.000
		Cầu buôn Trí	Ngã tư Bản Đôn	150.000	300.000
		Ngã ba Tinh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba nhà văn hóa cộng đồng Buôn Trí B	120.000	300.000
		Ngã ba nhà văn hóa cộng đồng Buôn Trí B	Đến hết rẫy hộ Chăn Tha Vy	120.000	300.000
		Ngã tư nhà ông Y Nham	Hết ranh giới nhà H'Lot	120.000	300.000
		Ngã tư Bản Đôn	Buôn Ea Mar (đường 135)	100.000	250.000
		Tinh lộ 17 (1 cũ)	Hạt kiểm lâm Vườn Quốc Gia Yok Đôn	80.000	220.000
		Ngã ba Hạt kiểm lâm Vườn Quốc Gia Yok Đôn	Cầu tràn		250.000
		Ngã ba nhà ông Ninh	Hết ranh giới khu dân cư		220.000
		Tinh lộ 17 (1 cũ)	Khu du lịch hồ Đăk Minh	100.000	250.000
		Tinh lộ 17 (1 cũ)	Trạm 6 Vườn quốc gia	60.000	170.000
		Đầu trạm Buôn Drang Phók	Nghĩa địa Đrăng Phók	60.000	170.000
		Khu vực buôn Ea Rông B		140.000	300.000
3	Đường giao thông	Tinh lộ 1	Văn phòng Tân Phương cũ	100.000	250.000
		Văn phòng Tân Phương cũ	Cầu thủy điện Srêpôk 4A	100.000	200.000
4	Đường sau chợ TT	Tinh lộ 17 (1 cũ)	Đi thác phật	100.000	250.000
5	Đường giao thông	Buôn Jang Lành	Đi thác Phật (sau xưởng Vinafor)	80.000	200.000
		Ngã ba nhà Y Zét	Hết rẫy nhà Ma Dao	80.000	200.000
6	Các khu vực còn lại			60.000	100.000
<b>III</b>	<b>Xã Ea Huar</b>				
1	Tinh lộ 17 (1 cũ)	Cầu 33	Cầu 34	250.000	550.000
		Cầu 34	Cầu 35	200.000	450.000
		Cầu 35	Giáp ranh xã Krông Na	140.000	350.000
2	Đường nối Tinh lộ 17 (cũ)	Tinh lộ 17 (1 cũ)	Hết ngã ba nhà ông Giới	110.000	300.000
		Hết ngã ba nhà ông Giới	đi xã Ea Mroh - Cư M'gar	110.000	250.000
		Tinh lộ 17 (1 cũ)	Thác 7 nhánh (qua Buôn Réch A)	110.000	250.000
		Tinh lộ 17 (1 cũ)	Thác 7 nhánh	130.000	300.000
		Tinh lộ 17 (1 cũ)	hết đường buôn mới 134	80.000	200.000
		Tinh lộ 17 (1 cũ)	Ngã ba cầu 34 (đường vòng sau UBND xã)	120.000	250.000
		Tinh lộ 17 (1 cũ) - Vườn quốc gia Yok Đôn	Hết ranh giới nhà máy điện mặt trời Jang Pông		200.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Giá đất 2015-2019	Giá đất 2020-2024 HĐTD thống nhất	
		Từ	Đến			
3	Các khu dân cư có trục đường $\geq 3,5m$			70.000	150.000	
4	Khu vực còn lại			60.000	100.000	
<b>IV</b>	<b>Xã Ea Wer</b>					
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Ngã tư Toà Án	Hết Dốc 50 (nhà ông Nguyễn Ngọc Thu)	300.000	1.000.000	
		Hết Dốc 50 (nhà ông Nguyễn Ngọc Thu)	Đầu thôn 4	160.000	500.000	
		Đầu thôn 4	Cống thủy lợi (thôn 7)	200.000	650.000	
		Cống Thủy Lợi (thôn 7)	Cầu Ea Tul	180.000	450.000	
		Cầu Ea Tul	Cầu 33	150.000	420.000	
2	Đường ngang	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Đầu thôn 8	100.000	200.000	
		Đầu thôn 8	Đập dâng Nà Xô	80.000	150.000	
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ - nhà ông Mộc)	Hết ngã ba vào Nghĩa địa thôn 4	100.000	200.000	
		Hết ngã ba vào Nghĩa địa thôn 4	Hết thôn 9	80.000	150.000	
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ - buôn Tul B)	Vào thôn 9	80.000	150.000	
		Đường Tỉnh lộ 17 (1 cũ - ngã ba Nà Wel)	Hết ranh giới rẫy Y Nút Knul	80.000	150.000	
		Hết ranh giới rẫy Y Nút Knul	Giáp sông Sêrêpôk	70.000	150.000	
		Sau trạm y tế xã	Cầu Ea Tul (đường lô 2)	100.000	200.000	
		Đầu buôn Tul B	Hết đường 135 (đường lô 2)	100.000	200.000	
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ - thôn 6)	Buôn Ea Pri	80.000	150.000	
		Ngã 3 đường vận hành 1 thủy điện 4	Ngã 3 đi hội trường thôn Ea Duát	350.000	550.000	
Ngã 3 đi hội trường thôn Ea Duát	Giáp sông Srêpôk	200.000	400.000			
3	Đường vận hành Thủy điện 4	Ngã ba đường vận hành	Giáp đường vành đai Phía Tây (đường số 9)		400.000	
4	Khu trung tâm huyện	Ngã tư nhà ông Tươi	Ranh giới xã Ea Wer (Khu đồi cây)		400.000	
5	Các đường buôn Tul A			70.000	150.000	
6	Các đường buôn Tul B			70.000	150.000	
7	Các khu dân cư có trục đường $\geq 3,5m$			70.000	150.000	
8	Khu vực còn lại			60.000	120.000	
<b>V</b>	<b>Xã Tân Hòa</b>					
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Giáp ranh giới xã Ea Nuôl (suối cạn)	Ngã ba đường vào chùa Pháp Vân	150.000	500.000	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Giá đất 2015-2019	Giá đất 2020-2024 HĐTD thống nhất
		Từ	Đến		
		Ngã ba đường vào chùa Pháp Vân	Hết thôn 9	300.000	1.000.000
		Hết thôn 9	Hết thôn 10	500.000	1.350.000
		Hết thôn 10	Hết ranh giới thôn 12	300.000	1.000.000
		Hết ranh giới thôn 12	Cây xăng Nam Tây Nguyên	300.000	1.200.000
		Cây xăng Nam Tây Nguyên	Ngã ba Nghĩa trang liệt sĩ	450.000	1.250.000
2	Đường tỉnh lộ 19A (Tỉnh lộ 5 cũ)	Ngã ba Tân Tiến	Hết ranh giới Trường Hoàng Văn Thụ	350.000	1.100.000
		Hết ranh giới Trường Hoàng Văn Thụ	Hết ranh giới thôn 6	250.000	850.000
		Hết ranh giới thôn 6	Hết Trường tiểu học Lê Lợi	300.000	1.000.000
		Hết Trường tiểu học Lê Lợi	Giáp ranh xã Cuôr Knia	200.000	900.000
3	Đường ngang	Tỉnh lộ 17 (1 cũ - Ngã ba nhà bà Lợi)	Hết ranh giới chợ	150.000	500.000
		Tỉnh lộ 17 (1 cũ - Ngã ba Bưu điện VH xã)	Vào lô F	150.000	500.000
		Ngã ba TL17 (đường vào sinh 3/2)	Suối bà Chí	150.000	500.000
		Ngã ba ba Tân	Đường nhựa giáp thủy điện Srêpôk 3	250.000	900.000
4	Đường dọc lô E và D trung tâm xã			150.000	500.000
5	Khu dân cư còn lại của thôn 14			100.000	300.000
6	Giáp ranh thôn Ea Duốt xã Ea Wer			120.000	400.000
7	Đường lô 2	Ngã ba tỉnh lộ 19	hết thôn 9	150.000	500.000
8	Đường liên thôn	Ngã ba hội trường thôn 7	Ngã ba hội trường thôn 4		900.000
9	Các khu dân cư có trục đường >=3,5m			100.000	230.000
10	Các khu vực còn lại			80.000	150.000
<b>VI</b>	<b>Xã Cuôr Knia</b>				
1	Tỉnh lộ 5	Giáp ranh giới xã Tân Hòa	Ngã ba thôn 3	180.000	900.000
		Ngã ba thôn 3	Ngã ba ông Hạnh	210.000	1.000.000
		Ngã ba ông Hạnh	Giáp ranh giới xã Ea Bar	150.000	800.000
	Đường liên xã	Ngã ba thôn 3	Đập cây sung	100.000	300.000
		Đập cây sung	Giáp ranh giới xã Ea M'ngang (huyện Cư M'gar)	90.000	250.000
		Ngã ba thôn 12	Thôn 10 xã Ea Bar	70.000	230.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Giá đất 2015-2019	Giá đất 2020-2024 HĐTĐ thống nhất
		Từ	Đến		
		Ngã ba thôn 6	Giáp ranh giới thôn 17 xã Ea Bar	100.000	300.000
		Ngã ba thôn Ea Kning	Giáp đường đi Ea Bar	70.000	230.000
2	Khu vực thôn 4			100.000	240.000
3	Các khu dân cư có trục đường >=3,5m			70.000	180.000
4	Các khu vực còn lại			60.000	120.000
<b>VII</b>	<b>Xã Ea Bar</b>				
1	Tỉnh lộ 19A (5 cũ)	Giáp ranh giới xã Cuôr Knia	Hết ranh giới đất Trường Lê Văn Tám	350.000	1.000.000
		Hết ranh giới đất Trường Lê Văn Tám	Ngã tư chợ cũ	550.000	1.600.000
		Ngã tư chợ cũ	Hết ranh giới đất trụ sở UBND xã	1.200.000	3.600.000
		Hết ranh giới đất trụ sở UBND xã	Hết trường mầm non Hoa Lan	700.000	2.000.000
		Ngã tư trường mầm non Hoa Lan	Ngã tư nhà ông Hồ Xuân Đường	550.000	1.200.000
		Ngã tư nhà ông Hồ Xuân Đường	Ngã ba giồng cây Minh Phát	350.000	850.000
		Ngã ba giồng cây Minh Phát	Ngã ba Đài tưởng niệm	150.000	800.000
		Ngã ba Đài tưởng niệm	Giáp ranh thành phố Buôn Ma Thuột	350.000	1.000.000
2	Đường liên xã	Ngã tư chợ cũ	Hết ranh nhà ông Trần Văn Nhiển		3.000.000
		Hết ranh nhà ông Trần Văn Nhiển	Ngã ba nhà ông Trần Văn Liên	120.000	400.000
		Ngã ba nhà bà Trần Văn Liên	Hết ranh giới đất nhà ông Lê Quý Hiền	250.000	650.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Lê Quý Hiền	Giáp ranh xã Ea M'ngang - Cư M'gar	200.000	550.000
		Ngã tư nhà bà Thái Thị Dư (Cây xăng Trâm Oanh)	Ngã tư thôn 12	100.000	300.000
3	Hai trục ngang bên hông chợ Ea Bar			1.000.000	2.800.000
4	Đường ngang sau chợ	Ngã ba nhà ông Trần Văn Nhiển	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn La (đường lô 2)	700.000	2.000.000
5	Đường xung quanh khu đầu giá lô F (tiệm vàng kim hải cũ)	Ngã tư chợ cũ	Ngã ba nhà ông Tiến (mặt sau lô F)	250.000	1.600.000
		Từ ngã ba giáp đường đi Ea M'ngang (gần nông sản Thanh Bình)	Hết mặt sau lô F		600.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Giá đất 2015-2019	Giá đất 2020-2024 HĐTĐ thống nhất
		Từ	Đến		
		Từ ngã ba đường liên thôn 16, 16A, 17, 17A			
6	Đường liên thôn 16, 16A, 17, 17A	Ngã ba nhà ông Tiến	Giáp đường sang xã Cuôr Knia	250.000	700.000
7	Đường liên thôn 15, 18, 18A, 18B	Ngã tư cửa hàng Hòa Lan	Giáp đường vào nghĩa địa 15/3	250.000	700.000
8	Đường khu vực thôn 5, 6, 8, 9			120.000	300.000
9	Các khu dân cư có trục đường $\geq 3,5m$			100.000	280.000
10	Các khu vực còn lại			80.000	160.000
<b>VIII</b>	<b>Xã Ea Nuôl</b>				
1	Tỉnh lộ 17 (1 cũ)	Giáp ranh giới với thành phố Buôn Ma Thuột	Hết cầu buôn Niêng	700.000	2.000.000
		Hết cầu buôn Niêng	Hết ngã tư đường vào buôn Niêng 3	500.000	1.500.000
		Hết ngã tư đường vào buôn Niêng 3	Đến cầu Ea M'dthar	300.000	1.000.000
		Đến cầu Ea M'dthar	Ngã 3 đường vào nhà máy thủy điện Srêpôk 3	350.000	1.100.000
		Ngã 3 đường vào nhà máy thủy điện Srêpôk 3	Giáp ranh xã Tân Hòa	250.000	700.000
2	Đường ngang	Tỉnh lộ 1	Khu K68		1.200.000
		Ngã ba cây xăng (Khương Minh Yên)	Ngã ba ba Tân	300.000	700.000
		Ngã ba ba Tân	Đường nhựa giáp thủy điện Srêpôk 3	250.000	600.000
		Ngã ba Hoà An (TL1)	Giáp ranh xã Hoà Xuân	300.000	700.000
		Ngã ba UBND xã	Hết khu dân cư (ranh giới thôn Hòa Phú)	100.000	400.000
		Ngã ba nhà ông Nhân (Buôn Niêng III)	Thôn 8 xã Cư Ebur	100.000	450.000
		Đầu buôn Mdhar 1A	Hết ranh giới thôn Mdhar 3	100.000	400.000
		Đầu buôn Mdhar 1A	Hết ranh giới thôn Hoà Thanh	100.000	400.000
		Đầu buôn Niêng 3	Hết ranh giới khu du lịch Troh Bư	100.000	450.000
		Hết ranh giới khu du lịch Troh Bư	Hết ranh giới buôn Mới (132)	100.000	300.000
		Đầu buôn Niêng 2	Hết mỏ đá Minh Sáng		400.000
3	Đường vào Thủy Điện Dray H'Ling cũ	Ngã ba giáp ranh giới Phường Thành Nhất (BMT)	Suối Ea Piết (giáp ranh giới thôn Hòa Nam I - Hoa An)		350.000
4	Đường trục chính	Ngã ba nhà ông Khôi	Đi sinh Cư Bor	150.000	350.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Giá đất 2015-2019	Giá đất 2020-2024 HĐTD thống nhất
		Từ	Đến		
	thôn Đại Đồng				
5	Ngã ba đường vào cụm công nghiệp	Ngã ba nhà ông Năm Tiểu (cuối buôn Kô Đung B)	Hết khu dân cư (cụm công nghiệp Ea Nuôl)		350.000
6	Các khu dân cư có trục đường $\geq 3,5m$			80.000	200.000
7	Khu vực còn lại			70.000	160.000

- Đất thương mại, dịch vụ: Tại nông thôn được tính bằng 80% giá đất ở liền kề.
- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ:  
Tại nông thôn được tính bằng 60% giá đất ở liền kề.